TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HUỆ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 17-9-2020
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Liên.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Triệu Thanh Quan.
Ông Phạm Văn Ven.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

Ngày 17 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 170/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2020 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Vòng Cỏng K - Sinh năm 1989 - Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện B, tỉnh B1. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 07-8-2020).

Bị đơn: Ông Kiên Văn L - Sinh năm 1988 - Địa chỉ: ấp 1, xã B2, huyện Đ, tỉnh L (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Vòng Cỏng M - Sinh năm 1986 - Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện B, tỉnh B1. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 10-8-2020).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13-7-2020, các văn bản tiếp theo nguyên đơn bà Vòng Cỏng K trình bày: bà K và ông Kiên Văn L cưới nhau năm 2013, có đăng ký kết hôn ngày 25-01-2016 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã B2, huyện Đ, tỉnh L. Vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về nhiều vấn đề trong cuộc sống nên thường xuyên gây cãi nhau, ông L nhiều lần ngược đãi, xúc phạm bà K. Tháng 12 năm 2015, bà K về quê sinh sống. Sau đó ông L cùng về quê bà K sinh sống nhưng đến năm 2017 lại

phát sinh mâu thuẫn, ông L vẫn ngược đãi bà K. Ông L đã bỏ đi và ly thân với bà K từ tháng 8 năm 2018 đến nay. Bà K và ông L có 01 con chung tên Vòng Bảo N (sinh ngày 28-12-2013). Hiện bà K đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Bà K và ông L không có tài sản chung nhưng có nợ bà Vòng Cỏng M 36.000.000 đồng. Hiện bà K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về hôn nhân: yêu cầu ly hôn với ông Kiên Văn L.

Về con chung: yêu cầu trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Về nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết về nợ chung.

Tại bản tự khai ngày 07-8-2020, các văn bản tiếp theo bị đơn là ông Kiên Văn L khai thống nhất với lời khai của bà K về điều kiện kết hôn, thời gian phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn, tình trạng hôn nhân, có 01 con chung, không có tài sản chung, nợ bà Vòng Cỏng M 36.000.000 đồng. Ông L không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà K vì con còn nhỏ. Nếu ly hôn ông L yêu cầu trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu bà K cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: không có, ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản. Về nợ ông L yêu cầu bà K và ông L mỗi người có nghĩa vụ trả ½ số nợ là 18.000.000 đồng.

Theo đơn không khởi kiện và không tham gia tố tụng ngày 10-8-2020, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vòng Cỏng M trình bày: bà tự thỏa thuận với bà K, ông L về số nợ 36.000.000 đồng, bà M không khởi kiện bà K và ông L về số nợ 36.000.000 đồng chung trong vụ án này. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì bà khởi kiện bằng một vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền: Bà Vòng Cỏng K khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Kiên Văn L. Ông L cư trú tại huyện Đ, tỉnh L nên Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bà K, bà M vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của bà K: bà K và ông L xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn ngày 25-01-2016 tại UBND xã B2, huyện Đ, tỉnh L nên quan hệ hôn nhân giữa bà K và ông L là hôn nhân hợp pháp theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình. Bà K và ông L thống nhất về thời gian phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân

mâu thuẫn, tình trạng hôn nhân hiện nay là đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2018 đến nay. Ông L yêu cầu đoàn tụ vì con chung còn nhỏ nhưng vắng mặt tại phiên hòa giải và vắng mặt 02 lần tại phiên tòa, không có giải pháp để đoàn tụ. Xét tình trạng hôn nhân của bà K và ông L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn của bà K có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. Xét yêu cầu trực tiếp nuôi con chung của bà K: Bà K và ông L đều khai thống nhất con chung hiện do bà K trực tiếp nuôi dưỡng từ năm 2018 đến nay. Bà K có đơn xin xác nhận ngày 10-8-2020 nội dung từ khi ly thân đến nay, bà K vẫn chăm sóc nuôi dạy con chung tốt (được UBND xã Phan Tiến xác nhận). Vì vậy để đảm bảo quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và sự ổn định để phát triển tốt nhất cho con chung thì giao con chung cho bà K nuôi là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà K không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung là sự tự định đoạt của bà K, Hội đồng xét xử ghi nhận, không buộc ông L cấp dưỡng nuôi con chung.

[5]. Về tài sản chung: Bà K và ông L cho rằng không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. Về nợ chung: Bà K và ông L khai nợ bà Vòng Cỏng M 36.000.000 đồng. Bà K không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung. Ông L yêu cầu mỗi người trả ½ số nợ nhưng không làm đơn nêu rõ yêu cầu cụ thể như thế nào. Bà M có đơn không khởi kiện và không tham gia tố tụng, không yêu cầu về số tiền mà bà K và ông L nợ bà M để yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về nợ chung trong vụ án này. Nếu giữa bà K, ông L với bà M có tranh chấp về nợ thì khởi kiện bằng một vụ án khác.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà K là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (theo Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án). Ông L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vòng Cỏng K đối với ông Kiên Văn L về việc "ly hôn";

Về hôn nhân: Cho bà Vòng Cỏng K được ly hôn với ông Kiên Văn L.

Về con chung: Bà Vòng Cỏng K được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Vòng Bảo N, sinh ngày 28-12-2013. Hiện con chung đang do bà K trực tiếp nuôi dưỡng. Ông L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, bà K và ông L được quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Vòng Cỏng K phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà K đã nộp theo biên lai thu số 0005203 ngày 13-7-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Bích Liên

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- UBND xã Bình Hòa Nam (*ghi sổ hộ tịch*)
- Lưu hồ sơ, án văn.